

Số: 16/2024/QĐST-KDTM

TP. Thái Nguyên, ngày 27 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 299, 318, 319, 320, 322, 323, 325 Bộ luật Dân sự 2015; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điểm đ khoản 1 điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 18/2024/TLST-KDTM ngày 01 tháng 7 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (V1);

Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và Tầng 2, tòa nhà S, số A P, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H, chuyên viên xử lý nợ.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L; sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

+ Bà Lê Thị K, sinh năm 1987, địa chỉ: Tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

## 2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

### 2.1. Về nghĩa vụ thanh toán:

Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải trả Ngân hàng TMCP Q số tiền tính đến ngày 19/9/2024 là: 3.740.858.337đ (ba tỷ bảy trăm bốn mươi triệu tám trăm năm mươi tám nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng); trong đó: nợ gốc: 3.228.552.000đ (ba tỷ hai trăm hai mươi tám triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng); nợ lãi trong hạn: 272.004.919đ (hai trăm bảy mươi hai triệu không trăm lẻ bốn nghìn chín trăm mười chín đồng); nợ lãi quá hạn 203.013.476đ (hai trăm linh ba triệu không trăm mười ba nghìn bốn trăm mười sáu đồng). Cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 7622967.23 ngày 12/4/2023, số tiền gốc 1.400.000.000đ (một tỷ bốn trăm triệu đồng); lãi trong hạn 72.700.746đ (bảy mươi hai triệu bảy trăm nghìn bảy trăm bốn mươi sáu đồng); lãi quá hạn 116.027.962đ (một trăm mười sáu triệu không trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng).

Hợp đồng tín dụng số 9061737.23 ngày 14/04/2023, số tiền gốc 1.660.858.000đ (một tỷ sáu trăm sáu mươi triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng); lãi trong hạn 152.420.542đ (một trăm năm mươi hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng); lãi quá hạn 86.985.514đ (tám mươi sáu triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm mười bốn đồng).

Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 04/05/2023, số tiền gốc 167.694.000đ (một trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi tư nghìn đồng); lãi trong hạn 46.883.631đ (bốn mươi sáu triệu tám trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi một đồng); phí 37.287.942đ (ba mươi bảy triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi hai đồng).

Kể từ ngày 20/9/2024, bà Nguyễn Thị Ngọc L còn phải tiếp tục chịu lãi theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 7622967.23 ngày 12/04/2023, Hợp đồng tín dụng số 9061737.23 ngày 14/04/2023, Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 04/05/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

### 2.2. Xử lý tài sản bảo đảm

- Trường hợp bà Nguyễn Thị Ngọc L vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự thi hành toàn bộ nghĩa vụ trả nợ và đề nghị xử lý tài sản đảm bảo là:



Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 2, địa chỉ phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên đã được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 973449 số vào sổ cấp GCN: CS00865 cấp ngày 25/10/2022 cho bà Nguyễn Thị Ngọc L, diện tích 2200m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất ở đô thị 200m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 2000m<sup>2</sup>; theo hiện trạng là toàn bộ diện tích 2004,7m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm 1,22,2,3, 4, 5, 23, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15,16,17,18,19,20,21,1; chiều dài các cạnh cụ thể như sau: 1-22 là 1,12m; 22-2 là 1,44m; 2-3 là 2,72m; 3-4 là 3,65m; 4-5 là 6,19m; 5-23 là 1,47m; 23-6 là 13,22m; 6-7 là 3,38m; 7-8 là 3,34m; 8-9 là 9,30m; 9-10 là 32,30m; 10-11 là 11,73m; 11-12 là 13,27m; 12-13 là 12,62m; 13-14 là 2,06m; 14-15 là 23,63m; 15-16 là 9,74m; 16-17 là 3,83m; 17-18 là 21,45m; 18-19 là 20,05m; 19-20 là 4,83m; 20-21 là 5,40m; 21-1 là 10,53m và toàn bộ tài sản trên đất là nhà 01 tầng mái tôn diện tích 107,3m<sup>2</sup>, 01 mái tôn đua sân diện tích 24,9m<sup>2</sup>; 01 mái tôn đua sân diện tích 43,8m<sup>2</sup> (bản đo vẽ ngày 08/8/2024 của Công ty TNHH C). (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5599360.23, số công chứng 2185 quyền số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/4/2023). Các đương sự nhất trí bàn giao tài sản thế chấp nêu trên khi Ngân hàng TMCP Q có yêu cầu.

2.3. Về lệ phí, chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định và đo đạc, Ngân hàng TMCP Q đã nộp, không yêu cầu giải quyết.

2.4. Án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc L có trách nhiệm nộp 53.408.583đ (năm mươi ba triệu bốn trăm lẻ tám nghìn năm trăm tám mươi ba đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002952 ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản đo vẽ ngày 08/8/2024 của Công ty TNHH C là một phần không tách rời Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh TN;

**THẨM PHÁN**

- VKSND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án; bộ phận dân sự;
- Lưu Văn phòng.

**Phạm Ngọc Linh**